

UBND PHƯỜNG HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG TH NGUYỄN DU

Số: 501 /QĐ-THND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Văn Quán, ngày 01 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách quý III năm 2025 của trường TH Nguyễn Du

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính “Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ”; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ
- Căn cứ tình hình đối chiếu thực hiện ngân sách tại kho bạc quý III năm 2025 của trường TH Nguyễn Du.
- Xét đề nghị của bộ phận kế toán, tài vụ trường TH Nguyễn Du.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách quý III năm 2024 của trường TH Nguyễn Du

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng kế toán tài vụ;
- Lưu :VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



★ Ngô Thị Hồng Lương

Mã chương: 822

Mẫu số 20c
Ký hiệu: 02a-SDKP/DVDT

Đơn vị báo cáo: Trường Tiểu học Nguyễn Du

Mã DVQHNS: 1090597

Mã cấp NS: 3

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN					Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4	
Kinh phí không tự chủ - Không giao khoản	12	072					992.784.028	4.484.931.274	992.784.028	4.484.931.274	
Lương theo ngạch, bậc			6001				540.494.600	2.423.845.266	540.494.600	2.423.845.266	
Phụ cấp chức vụ			6101				5.779.990	27.171.286	5.779.990	27.171.286	
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112				185.334.556	828.795.646	185.334.556	828.795.646	
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			6113				1.360.000	6.368.708	1.360.000	6.368.708	
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề			6115				117.173.542	525.344.587	117.173.542	525.344.587	
Bảo hiểm xã hội			6301				116.103.403	521.261.230	116.103.403	521.261.230	
Bảo hiểm y tế			6302				19.903.455	89.359.111	19.903.455	89.359.111	
Kinh phí công đoàn			6303				32.999.089	32.999.089		32.999.089	
Bảo hiểm thất nghiệp			6304				6.634.482	29.786.351	6.634.482	29.786.351	
Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	13		6404				2.258.379.138	9.200.364.408	2.258.379.138	9.200.364.408	
Kinh phí giao tự chủ, giao khoán			6001				947.455.240	4.255.811.094	947.455.240	4.255.811.094	
Lương theo ngạch, bậc			6051				14.882.400	116.672.400	14.882.400	116.672.400	
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			6101				10.132.010	47.708.714	10.132.010	47.708.714	
Phụ cấp chức vụ			6112				324.880.588	1.455.204.455	324.880.588	1.455.204.455	
Phụ cấp ưu đãi nghề			6113				2.384.000	11.181.292	2.384.000	11.181.292	
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			6115				205.398.330	922.402.787	205.398.330	922.402.787	
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề			6201				70.434.000	70.434.000	70.434.000	70.434.000	
Thường xuyên xuyên											

Tổng

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301				206.126.932	935.653.620	206.126.932	935.653.620
Bảo hiểm y tế			6302				35.336.036	160.397.743	35.336.036	160.397.743
Kinh phí công đoàn			6303					59.754.552		59.754.552
Bảo hiểm thất nghiệp			6304				11.778.681	53.465.921	11.778.681	53.465.921
Tiền điện			6501					104.462.751		104.462.751
Tiền nước			6502					45.954.000		45.954.000
Tiền vệ sinh, môi trường			6504				5.891.793	67.085.379	5.891.793	67.085.379
Văn phòng phẩm			6551					15.538.694		15.538.694
Khoản văn phòng phẩm			6553				14.200.000	30.450.000	14.200.000	30.450.000
Thuế bao kênh vệ tinh; thuế bao cấp truyền hình; cước phí Internet; thuế đường truyền mạng			6605					5.849.880		5.849.880
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện			6608					4.270.900		4.270.900
Thuế lao động trong nước			6757				75.500.000	372.300.662	75.500.000	372.300.662
Các thiết bị công nghệ thông tin			6912					29.909.500		29.909.500
Tài sản và thiết bị văn phòng			6913					750.000		750.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác			6949				295.136.000	295.136.000	295.136.000	295.136.000
Các thiết bị công nghệ thông tin			6956					11.500.000		11.500.000
Chi mua hàng hóa, vật tư			7001				37.213.128	82.702.664	37.213.128	82.702.664
Chi khác			7049					26.816.400		26.816.400
Chi các khoản phí và lệ phí			7756				1.630.000	18.951.000	1.630.000	18.951.000

Đơn vị: Trường TH Nguyễn Du

Chương: 622

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH

QUÝ III/2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐVT: Triệu đồng

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường TH Nguyễn Du công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III/2025 như sau:

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	-	-	0,00%	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	0,00%	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	0,00%	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	0,00%	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		3.250		
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.746	2.258	16,43%	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.024	992	7,62%	

Văn Quán, Ngày 18 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị

Phí Thị Huyền



Ngô Thị Hồng Lương

Văn Quán, ngày 1 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai quyết toán thu, chi ngân sách quý III năm 2025

căn cứ thông tư 28/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/09/2020 của bộ giáo dục và đào tạo ban hành điều lệ trường tiểu học.

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính “Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị quyết toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ”; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị quyết toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ quyết định số 501/QĐ-THND ngày 01/10/2025 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách quý III năm 2025

Trường tiểu học Nguyễn Du thông báo về việc niêm yết công khai việc công bố công khai quyết toán ngân sách quý III năm 2025

- Bộ phận thực hiện niêm yết công khai: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Thanh tra nhân dân, Văn thư.
- Địa điểm niêm yết: Phòng Hội đồng trường, bảng tin, trang thông tin điện tử của nhà trường.
- Thời gian niêm yết: Từ ngày 03/10/2025 đến hết ngày 06/01/2026
- Tổng số ngày niêm yết: 96 ngày
- Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 03/10/2025 đến hết ngày 06/01/2026
- Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư của nhà trường. (c1nguyendu-hadong@hanoiedu.vn)
- Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: chậm nhất là ngày 11/01/2026

Nơi nhận:

- Phòng kế toán tài vụ;
- Lưu :VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Ngô Thị Hồng Lương